

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-CL&VL

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2024

V/v Công bố giá vật liệu xây
dựng Quý II năm 2024 trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: - Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ủy quyền công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 189/TB-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục hàng hóa là đất làm vật liệu đắp và san lấp thuộc diện phải kê khai giá; Thông báo số 03/TB-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục hàng hóa là cát làm vật liệu xây dựng thuộc diện phải kê khai giá;

Trên cơ sở mức giá bình quân của các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trên thị trường tỉnh Quảng Ngãi tại thời điểm tháng 4/2024, tháng 5/2024, tháng 6/2024 và Biên bản cuộc họp thống nhất giá vật liệu xây dựng ngày 15/7/2024 của liên Sở Xây dựng – Sở Tài chính, Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tại thời điểm Quý II năm 2024 như sau:

1. Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại thời điểm Quý II năm 2024 như Phụ lục kèm theo Công văn này, làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng tham khảo xác định giá vật liệu trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Bảng giá vật liệu xây dựng kèm theo Công văn này là giá bán chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; được xác định và công bố trên cơ sở giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp đồng thời có tham khảo giá thị trường; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

3. Chủ đầu tư và các tổ chức tham gia hoạt động xây dựng khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng vật liệu, yêu cầu của dự án được quy định theo yêu cầu sử dụng vật liệu của công trình, dự án;

- Phù hợp với nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ, khối lượng cung cấp;

- Phù hợp với kế hoạch sử dụng vật liệu dự kiến của công trường; thời điểm xác định chi phí và mặt bằng giá thị trường tại nơi xây dựng công trình và được tính đến hiện trường công trình.

Trường hợp giá vật liệu xây dựng tại Công bố này chưa được tính đến hiện trường công trình thì giá vật liệu đến hiện trường công trình được xác định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng. Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn (lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra), đơn vị thẩm định có trách nhiệm lựa chọn loại vật liệu xây dựng, tính toán, so sánh giá vật liệu xây dựng đến hiện trường công trình để xác định chi phí đầu tư xây dựng đảm bảo tiết kiệm chi phí, hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án.

Trường hợp giá vật liệu xây dựng lựa chọn để áp dụng mà chưa đảm bảo các nguyên tắc trên hoặc lựa chọn các vật liệu xây dựng chưa có trong Công bố này hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng được xác định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng.

Đối với các loại vật liệu xây dựng phải nhập khẩu (do thị trường trong nước không có hoặc theo quy định tại hiệp định vay vốn của nhà tài trợ đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA) thì giá các loại vật liệu này xác định trên cơ sở lựa chọn mức giá thấp nhất giữa các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng phù hợp chuẩn chất lượng, xuất xứ hàng hóa và mặt bằng giá khu vực. Giá vật liệu được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm lập dự toán.

4. Giá vật liệu xây dựng tại Công bố này không áp dụng đối với các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi do nhà thầu thi công xây dựng công trình tự tổ chức khai thác và sản xuất.

Trường hợp các loại vật liệu đất, đá, cát sỏi do nhà thầu thi công xây dựng công trình tự tổ chức khai thác và sản xuất thì phải xác định dự toán giá vật liệu, trong đó chi phí chung tính trong dự toán xác định giá vật liệu bằng tỷ lệ 2,5% trên chi phí nhân công và chi phí máy thi công; thu nhập chịu thuế tính trước tính trong dự toán xác định giá vật liệu bằng tỷ lệ 3% trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

5. Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn (lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra), đơn vị thẩm định có trách nhiệm lựa chọn loại vật liệu xây dựng thông dụng, thân

thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, phổ biến trên thị trường khi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng đảm bảo tiết kiệm chi phí, hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án.

Trong trường hợp vật liệu chưa có trên thị trường hoặc các nhà thầu tự sản xuất vật liệu xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư thì giá vật liệu được lấy theo mức giá hợp lý đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công và kế hoạch cụ thể của công trình.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT, GTVT, Công Thương, NN&PTNT, TT&TT;
- KBNN tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, CL&VLG.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hồng